

Bản án số: 279/2019/HC-PT

Ngày: 20- 5 - 2019

V/v khiếu kiện quyết định về việc
áp dụng biện pháp khắc phục hậu
quả; quyết định cưỡng chế buộc
thực hiện biện pháp khắc hậu quả
và quyết định giải quyết khiếu nại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương.

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Công Mười

Ông Trần Xuân Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 91/2019/TLPT-HC ngày 16 tháng 01 năm 2019 về “Khiếu kiện quyết định về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc hậu quả và quyết định giải quyết khiếu nại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2018/HC- ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 462/2019/QĐ- PT ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: số 52 ấp V, xã H, huyện X, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phạm Hoàng K, Văn phòng luật sư Phạm Hoàng K, Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt)

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Kiên Giang - Ông Trần Chí H1 (vắng mặt)

Địa chỉ: xã B1, huyện X, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện X: Ông Nguyễn Quốc K1- Phó chủ tịch UBND huyện X, tỉnh Kiên Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 17/5/2019) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Thanh B2, sinh năm 1992 (có mặt)

2. Bà Lê Thị N, sinh năm 1949 (có mặt)

Địa chỉ: 249 Tổ 8 ấp V, xã H, huyện X, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B2, bà N: Ông Đường Minh Q, Luật sư Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn B là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện ông Nguyễn Văn B trình bày:

Năm 2009, ông Nguyễn Văn B được cha mẹ cho phần đất diện tích 4ha tọa lạc tại ấp V, xã H, huyện X, tỉnh Kiên Giang. Năm 2016, ông B chuyển nhượng cho ông Trần Thanh B2 và bà Lê Thị N diện tích 26.000m². Sau khi chuyển nhượng, ông B với ông B2, bà N phát sinh tranh chấp và được TAND tỉnh Kiên Giang giải quyết bằng Bản án số: 82/2017/DS-PT ngày 28/4/2017. Ông B đồng ý với quyết định của bản án này về việc công nhận chuyển nhượng cho ông B2 và bà N diện tích 26.000m². Tuy nhiên, ông B2, bà N ngoài sử dụng phần đất chuyển nhượng thì tiếp tục lấn sang một phần diện tích đất 69,66m² của ông B. Không đồng ý với việc lấn chiếm đất của ông B2, bà N nên ông B cấm trù đá tạo ranh giới đất.

Ngày 14/11/2017 Chủ tịch UBND huyện X ban hành Quyết định số 2598/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc ông B trả lại diện tích 69,66m² đất nông nghiệp, không phải là đất trồng lúa theo hiện trạng ban đầu trước khi vi phạm. Ngày 19/01/2018 Chủ tịch UBND huyện X tiếp tục ban hành Quyết định số 107/QĐ-CCXP cưỡng chế buộc ông B thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả phải thu dọn toàn bộ cây trồng để trả lại hiện trạng trước khi vi phạm trong thời hạn 15 ngày.

Ông B xác định việc Chủ tịch UBND huyện X ban hành Quyết định số 2598/QĐ-KPHQ ngày 14/11/2017 về việc khắc phục hậu quả, khi chưa hết thời hiệu khiếu nại lại tiếp tục ban hành Quyết định số 107/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là chưa đúng quy định của

pháp luật. Do không đồng ý với hai quyết định nêu trên, ông B khiếu nại đến UBND huyện X. Ngày 16/3/2018 Chủ tịch UBND huyện X ban hành Quyết định số 412/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại với nội dung không công nhận khiếu nại của ông B.

Ngày 20/6/2018, ông B khởi kiện yêu cầu TAND tỉnh Kiên Giang hủy Quyết định số 2598/QĐ-KPHQ ngày 14/11/2017 của Chủ tịch UBND huyện X về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định số 107/QĐ-CCXP ngày 19/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện X cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả và Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện X về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn B.

Tại Văn bản số: 146/UBND-TNMT ngày 31/7/2018 và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X - Ông Trần Chí H1 trình bày:

Việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn B với bà Lê Thị N, ông Trần Thanh B2 được TAND huyện X xét xử ban hành Bản án sơ thẩm số: 06/2017/DS-ST ngày 19/01/2017. Sau đó, đương sự kháng cáo đến TAND tỉnh Kiên Giang. Ngày 28/4/2017 TAND tỉnh Kiên Giang xét xử tại Bản án số 82/2017/DS-PT buộc gia đình ông Nguyễn Văn B giao trả cho bà Lê Thị N và ông Trần Thanh B2 diện tích 33.410,4 m². Ngày 18/5/2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện X ban hành Quyết định số 459/QĐ-CCTHADS về việc thi hành án theo Bản án số: 82/2017/DS-PT ngày 28/4/2017 của TAND tỉnh Kiên Giang và tổ chức thi hành cưỡng chế giao đất ngày 16/6/2017 nhưng sau đó ông B vẫn tiếp tục chiếm lại diện tích 69,66m² nằm trong diện tích 33.410,4m².

Ngày 24/10/2017, UBND xã H tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính về việc chiếm đất nông nghiệp (không phải là đất trồng lúa) đối với ông Nguyễn Văn B. UBND xã H nhiều lần động viên, hòa giải, vận động nhưng ông B vẫn cố tình bao chiếm với diện tích 69,66m² đất đã được Tòa án xét xử giao cho ông B2, bà N. UBND huyện X tiến hành cưỡng chế giao đất cho ông B2, bà N theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi tiến hành cưỡng chế, ông B vẫn tiếp tục bao chiếm, cấm trạ đất trên diện tích 69,66m².

Về thời hiệu thi hành các quyết định bị kiện, theo quy định của Luật khiếu nại khi nhận các quyết định hành chính thì ông B có quyền khiếu nại. Tuy nhiên, trong các quyết định hành chính có quy định thời hạn thực hiện quyết định thì buộc ông B phải chấp hành.

Chủ tịch UBND huyện X đã ban hành Quyết định số 2598/QĐ-KPHQ ngày 14/11/2017, Quyết định số 107/QĐ-CCXP ngày 19/01/2017, Quyết định số

412/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 đúng quy định của pháp luật tại Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Khiếu nại.

Do đó, Chủ tịch UBND huyện X đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh B2 và bà Lê Thanh N trình bày:

Ông B2, bà N thống nhất theo ý kiến của Chủ tịch UBND huyện X, các quyết định bị kiện ban hành đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính số 66/2018/HC-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2598/QĐ-KPHQ ngày 14/11/2017 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định số 107/QĐ-CCXP ngày 19/01/2017 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND huyện X và Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện X về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn B. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 21/11/2018, ông Nguyễn Văn B kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, với lý do: Không đồng ý với nội dung của bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị sửa án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn B vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Ông B khẳng định diện tích 69,66 m² không nằm trong diện tích 33.410,4 m². Phía Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định 2598, Quyết định 107, Quyết định 412 để xử phạt khôi phục tình trạng ban đầu, nội dung không phù hợp quy định pháp luật. Trên phần diện tích đất còn có các cây mù u. Tại biên bản ngày 16/06/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X đã nêu không giao 69,66m² cho bà N ông B2. Có 4 cây chuối 2 cây mù u tuổi đời hơn mười năm, không nằm trong bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang. Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang giao 7 cây mù u, 33.410, 4m² có 2 cây mù u không nằm trong diện tích đất đang tranh chấp. Sau đó ban hành các văn bản khác, tài sản gắn liền với đất chưa được giải quyết. Tòa án ban hành công văn hỏi Chi Cục thi hành án thì trả lời trên đất có 2 cây mù u thì cũng không ảnh hưởng đến việc giải quyết. Ranh đất các bên thỏa thuận không thực hiện. Hiện

trạng đất phần phía sau trụ đá cận trụ bờ hiện trụ đá đã di dời vào phía trong. Phần 69,66m² nằm trong giấy tờ của ông B nằm trong hành lang an toàn lộ giới. Thẩm định lại hiện trạng chưa làm rõ, nội dung ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông B. Đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của ông B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:
Biên bản ngày 16/06/2017 đề nghị thu hoạch hoa màu chứ không phải cây mù u. Biên bản trước đây không có xác định lộ giới, sau này thì mới có xác định lộ giới, lý do đất trước đây chưa được cấp giấy chứng nhận, sau này cấp giấy chứng nhận nhà nước đã xác định lộ giới.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B2, bà N trình bày: Các Quyết định của người khởi kiện kiện người bị kiện đã được Tòa án cấp sơ thẩm xét xử hợp lý. Trình tự thủ tục nội dung ban hành đúng quy định pháp luật. Diện tích 69,66m² thuộc đất của ông B2, bà N nằm trong hợp đồng chuyển nhượng đất của ông B với ông B2, bà N được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận. Phần đất này được tổ chức thi hành án cưỡng chế ngày 16/06/2017, sau đó ông B chiếm lại, Chủ tịch Ủy ban ban hành quyết định cưỡng chế khắc phục hậu quả, giải quyết khiếu nại đúng quy định pháp luật. Người bảo vệ của người khởi kiện cho rằng diện tích đất này không nằm trong bản án phúc thẩm đã xét xử là không đúng quy định pháp luật. Đề nghị hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- *Về kháng cáo của ông Nguyễn Văn B :* Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm:

Bản án số 82/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã xét xử việc tranh chấp quyền sử dụng đất của ông B với ông B2, bà N buộc ông B phải giao cho ông B2, bà N diện tích 33.410,4m². Án đã có hiệu lực pháp luật, Chi Cục thi hành án ban hành quyết định thi hành án, cưỡng chế giao đất. Bà N, ông B2 được cấp giấy chứng nhận sử dụng đất 606,9m². Ông B chiếm diện tích 69,66m² nên Ủy ban xã đã lập biên bản vi phạm hành chính việc chiếm đất và cấm trụ trên đất. Ủy ban xã đã có tờ trình đề nghị chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X ra

quyết định khắc phục hậu quả. Trình tự thủ tục thẩm quyền ban hành Quyết định 2598 đúng quy định pháp luật. Quyết định 107 cưỡng chế là có căn cứ vì ngày 04/12/2017, Ủy ban nhân dân có tiến hành kiểm tra việc chấp hành áp dụng khắc phục hậu quả thì ông B không chấp hành. Ông B cho rằng trên đất có các cây mù u, không đúng diện tích đất tranh chấp nên không thực hiện. Căn cứ Bản án số 82/2017, các cây mù u hoa màu trên đất ông B đã chuyển nhượng cho ông B2 bà N. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông B thống nhất vị trí đất và diện tích theo thẩm định của Tòa án cấp sơ thẩm. Ông B cho rằng diện tích 69,66m² không nằm trong đất chuyển nhượng là không có căn cứ. Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:* Ông B khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2598/QĐ-KPHQ ngày 14/11/2017 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định số 107/QĐ-CCXP ngày 19/01/2017 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND huyện X và Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện X về việc giải quyết khiếu nại là Quyết định hành chính, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính. Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật tổ tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu kháng cáo của ông B đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

[2.1] *Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định:* Quyết định số 2598/QĐ-KPHQ ngày 14/11/2017, Quyết định số 107/QĐ-CCXP ngày 19/01/2017 và Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 208 Luật Đất đai năm 2013, khoản 2 Điều 38 Luật Xử lý vi phạm hành chính và điểm đ khoản 2 Điều 31 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại.

[2.2] Về nội dung: Bản án số 82/2017/DS-PT ngày 28/4/2017 về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang buộc ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị Mỹ Ánh giao trả cho bà Lê Thị N và ông Trần Thanh B2 diện tích đất 33.410,4m². Ngày 18/5/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện X ban hành Quyết định số 459/QĐ-CCTHADS về việc thi hành án theo Bản án số: 82/2017/DS-PT ngày 28/4/2017 của TAND tỉnh Kiên Giang và tổ chức thi hành cưỡng chế giao đất ngày 16/6/2017. Sau khi được thi hành án, bà N, ông B2 đã được UBND huyện X, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C1 653365 ngày 29/9/2017 với diện tích đất 606,9m² tại ấp V, xã H, huyện X, tỉnh Kiên Giang. Nhưng sau đó ông B vẫn tiếp tục chiếm lại diện tích 69,66m² (ngang 09m, dài 7,76m) với lý do không đồng ý với Bản án dân sự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang. Bản án số 82/2017/DS-PT ngày 28/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã có hiệu lực pháp luật, không bị kháng nghị theo trình tự giám đốc thẩm và tái thẩm.

Căn cứ công văn số 13/CV-CCTLIADS ngày 10/10/2018 Chi Cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Kiên Giang cũng xác định phần đất có diện tích 69,66m² nằm trong phần đất giao cho bà N, ông B2 và bà N, ông B2 được UBND huyện X, tỉnh Kiên Giang cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/9/2017.

Ngày 24/10/2017 UBND xã H tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính số 05/BB- VPIIC (viết tắt Biên bản số 05) về việc chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đưa vật khác lên thửa đất của người khác bằng hình thức cắm ba trụ cây đối với ông Nguyễn Văn B.

Sau khi lập biên bản vi phạm hành chính, Chủ tịch UBND xã H không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông B trong thời hạn luật định nên đã làm Tờ trình số 95/TTr-UBND ngày 02/11/2017 đề nghị Chủ tịch UBND huyện X ra Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Bdo đã quá thời hạn xử phạt vi phạm hành chính.

Chủ tịch UBND huyện X đã ban hành Quyết định số 2598/QĐ-KPHQ ngày 14/11/2017 (viết tắt Quyết định số 2598) áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông B do đã hết thời hiệu xử phạt hành chính là đúng pháp luật.

Quyết định số 2598/QĐ-KPHQ được giao cho ông B, ngày 04/12/2017 UBND xã H tiến hành kiểm tra việc chấp hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, kết quả ông B không chấp hành và không thực hiện quyết định.

Ngày 19/01/2018 Chủ tịch UBND huyện X ban hành Quyết định số

107/QĐ- CCXP cưỡng chế buộc ông B thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND huyện X. Quyết định 107/QĐ-CCXP được ban hành đúng quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính, Điều 33 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Theo quy định tại Điều 12 Luật khiếu nại quy định về nghĩa vụ của người khiếu nại trong thời gian khiếu nại thì phải chấp hành quyết định. Đồng thời tại khoản 1 Điều 85 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định thời hạn thi hành biện pháp khắc phục hậu quả được thực hiện theo quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Quyết định số 2598/QĐ-KPHQ của Chủ tịch UBND huyện X áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông B quy định thời hạn thực hiện là 15 ngày kể từ ngày 17/11/2017, tuy nhiên ông B không thực hiện nên ngày 19/01/2018, Chủ tịch UBND huyện X ra quyết định cưỡng chế số 107/QĐ-CCXP là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.4] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ. Ông B kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông B, giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí: Người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, Khoản 1 Điều 241, Điều 348 và Điều 349 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Điều 12, 18, 30, 31 của Luật Khiếu nại;

Căn cứ Điều 208 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 28, 58, 65, 66, 86, 87, 88 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ khoản 5 Điều 10, Điều 31 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Điều 33 Nghị định 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về

mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn B. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 66/2018/HC-ST ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2598/QĐ-KPHQ ngày 14/11/2017 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định số 107/QĐ-CCXP ngày 19/01/2017 cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả của Chủ tịch UBND huyện X và Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 16/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện X về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn B.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn B phải chịu là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông B đã nộp theo Biên lai thu số 0004081 ngày 20/6/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn B phải chịu là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông B đã nộp theo Biên lai thu số 0007099 ngày 21/11/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- NKK (1);
- NBK (1);
- NLQ (2);
- Lưu (5) 16b (QĐ - PTHH)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Đinh Ngọc Thu Hương